

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 42 /NQ-HĐND

Châu Thành, ngày 21 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách
địa phương huyện Châu Thành năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/03/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Thông tư số 61/2021/TT-BTC ngày 26/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022-2024;

Căn cứ Quyết định số 3477/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng;

Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND, ngày 16 tháng 12 năm 2021 của UBND huyện về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2022; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện, ý kiến thảo luận đóng góp của Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương huyện Châu Thành năm 2022, cụ thể như sau:

I. Dự toán thu ngân sách nhà nước:	50.700 triệu đồng
II. Dự toán thu ngân sách địa phương:	409.437 triệu đồng
1. Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp:	46.370 triệu đồng
2. Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên:	342.881 triệu đồng
3. Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:	20.186 triệu đồng
III. Dự toán chi ngân sách địa phương:	409.437 triệu đồng
1. Chi cân đối ngân sách địa phương:	389.251 triệu đồng
- Chi xây dựng cơ bản theo phân cấp:	23.873 triệu đồng
- Chi thường xuyên:	357.746 triệu đồng
- Chi dự phòng:	7.632 triệu đồng
2. Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên:	20.186 triệu đồng

(Đính kèm các phụ lục chi tiết)

Điều 2.

1. Để thực hiện tốt nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và thu, chi ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân đề nghị Ủy ban nhân dân tập trung chỉ đạo ngành thuế cùng các ngành chức năng và UBND các xã, thị trấn phấn đấu thu đạt trong năm 2022, bảo đảm thu đúng, thu đủ và thu kịp thời các khoản phát sinh vào ngân sách nhà nước.

2. Trong năm 2022, nếu có phát sinh, bổ sung dự toán cho những nhiệm vụ cụ thể không thuộc nhiệm vụ nêu tại Điều 1 Nghị quyết này, Hội đồng nhân dân giao cho Ủy ban nhân dân điều hành, sử dụng đúng nhiệm vụ và báo cáo Hội đồng nhân dân trong kỳ họp gần nhất.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Châu Thành khóa XII, kỳ họp lần thứ 3 thông qua. *[chữ ký]*

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị huyện Châu Thành);
- Sở Tư pháp;
- TT.Huyện ủy;
- TT.HĐND; UBND; UBNDTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện, khóa XI;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NC. *[chữ ký]*

CHỦ TỊCH



Son Po

DANH MỤC CÁC BIỂU DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
(Theo quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ)
(Đính kèm Nghị quyết số: 42/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Châu Thành)

STT	SỐ BIỂU	NỘI DUNG	Ghi chú
Dự toán ngân sách địa phương (Nghị quyết về dự toán thu NSNN trên địa bàn, thu, chi NSDP)			
1	Biểu số 15:	Cân đối ngân sách địa phương năm 2022	
2	Biểu số 16:	Dự toán thu NSNN theo lĩnh vực năm 2022	
3	Biểu số 17:	Dự toán chi NSDP theo cơ cấu chi năm 2022	





CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022

(Đính kèm Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Châu Thành)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Ước thực hiện năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	Tổng nguồn thu NSDP	405.636.000	538.302.149	409.437.000	-128.865.149	76%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	44.690.000	44.777.200	46.370.000	1.592.800	104%
	Thu NSDP hưởng 100%	1.410.000	4.827.000	1.910.000	-2.917.000	40%
	Thu NSDP từ các khoản thu phân chia	43.280.000	39.950.200	44.460.000	4.509.800	111%
II	Bổ sung từ ngân sách cấp trên	360.946.000	441.521.000	363.067.000	-78.454.000	82%
	Bổ sung cân đối	285.816.000	285.816.000	342.881.000	57.065.000	120%
	Bổ sung có mục tiêu	75.130.000	155.705.000	20.186.000	-135.519.000	13%
III	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư		29.826.341			
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		22.177.607			
B	Tổng chi NSDP	405.636.000	530.208.562	409.437.000	3.801.000	77%
I	Tổng chi cân đối NSDP	330.506.000	455.078.562	389.251.000	58.745.000	86%
1	Chi đầu tư phát triển	23.273.000	86.864.929	23.873.000	600.000	27%
2	Chi thường xuyên	296.594.000	357.574.633	351.387.000	54.793.000	98%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay					
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
5	Dự phòng ngân sách	6.481.000	6.481.000	7.632.000	1.151.000	118%
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	4.158.000	4.158.000	6.359.000	2.201.000	153%
II	Chi các chương trình mục tiêu	75.130.000	75.130.000	20.186.000	-54.944.000	27%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	75.130.000	75.130.000	20.186.000	-54.944.000	27%
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	Bội thu NSDP/Bội chi NSDP					
D	Chi trả nợ gốc của NSDP	0	0	0	0	
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh					
E	Tổng mức vay của NSDP	0	0	0	0	-
1	Vay để bù đắp bội chi					
2	Vay để trả nợ gốc					

Ghi chú: Đối với các chỉ tiêu thu NSDP, so sánh dự toán năm sau với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSDP, so sánh dự toán năm sau với dự toán năm hiện hành;





DỰ TOÁN THU NSNN THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Đính kèm Nghị quyết số: A/2 /NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Châu Thành)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2021		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	Tổng thu NSNN	48.466.000	44.777.200	50.700.000	46.370.000	105%	104%
I	Thu nội địa	48.466.000	44.777.200	50.700.000	46.370.000	105%	104%
1	Thu từ doanh nghiệp nhà nước Trung ương						
2	Thu từ doanh nghiệp nhà nước địa phương						
3	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
4	Thu từ khu vực ngoài Quốc doanh	17.922.000	17.812.000	19.000.000	18.870.000	106%	106%
	Thuế giá trị gia tăng	15.812.000	15.812.000	16.770.000	16.770.000	106%	106%
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.000.000	2.000.000	2.100.000	2.100.000	105%	105%
	Thuế TTĐB hàng hóa, dịch vụ trong nước	60.000		70.000			
	Thuế tài nguyên	50.000		60.000			
5	Lệ phí trước bạ	10.633.000	10.633.000	11.500.000	11.500.000	108%	108%
6	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
7	Thuế thu nhập cá nhân	6.647.000	6.647.000	8.700.000	8.700.000	131%	131%
8	Thuế bảo vệ môi trường						
9	Thu phí, lệ phí	2.855.000	2.055.000	2.500.000	1.500.000	88%	73%
10	Tiền sử dụng đất	6.947.000	4.168.200	8.000.000	4.800.000	115%	115%
11	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước						
12	Thu khác	3.462.000	3.462.000	1.000.000	1.000.000	29%	29%
13	Thu tại xã						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết						
II	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	0	0	0	0		
1	Thuế XK, NK, TTĐB						
2	Thuế GTGT hàng nhập khẩu						
III	Thu viện trợ						



DỰ TOÁN CHI NSDP THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Đính kèm Nghị quyết số 42/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của HĐND huyện Châu Thành)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Dự toán năm 2022	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối %
A	B	1	2	3 = 2-1	4 = 2/1
	Tổng chi NSDP	405.636.000	409.437.000	3.801.000	519%
A	Chi cân đối NSDP	330.506.000	389.251.000	58.745.000	492%
I	Chi đầu tư phát triển	23.273.000	23.873.000	600.000	103%
1	Chi đầu tư cho các dự án	23.273.000	23.873.000	600.000	103%
	Chia theo lĩnh vực				
-	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề				
-	Chi khoa học & công nghệ				
	Chia theo nguồn vốn				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.200.000	4.800.000	600.000	114%
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	296.594.000	351.387.000	54.793.000	118%
	Trong đó				
1	Chi giáo dục, đào tạo & dạy nghề	189.696.000	205.552.000	15.856.000	108%
2	Chi khoa học & công nghệ				
III	Chi trả nợ lãi các khoản do CQĐP vay				
IV	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính				
V	Dự phòng ngân sách	6.481.000	7.632.000	1.151.000	118%
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	4.158.000	6.359.000	2.201.000	153%
B	Chi các chương trình mục tiêu	75.130.000	20.186.000	-54.944.000	27%
1	Chi các chương trình mục tiêu, quốc gia	0	0	0	
a	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới				
b	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững				
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	75.130.000	20.186.000	-54.944.000	27%
a	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	64.760.000	20.000.000	-44.760.000	31%
b	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách và một số chương trình mục tiêu	10.370.000	186.000	-10.184.000	2%
C	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

